



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **ĐÔNG PHƯƠNG HỌC**

Chuyên ngành: **Nhật Bản học**

Mã số ngành: **7310608**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			31	31	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
5	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3	0	0	0	0	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5.Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	3	3					
2	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			18	18	0	0	0	0	
		(Chọn 2 trong 5 học phần)	6						
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
3	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
4	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
5	MAN201	Quản trị học	3	3					
		(Chọn 2 trong 6 học phần)	6						
1	SOS203	Các nền văn minh thế giới	3	3					
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
3	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông	3	3					
4	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	3					
5	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
6	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		3					
3	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1		3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	3						
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
2	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		3					KOR201
3	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2		3					CHI203
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	66	0	3	0	0	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			17	16	0	1	0	0	
1	JAP304	Nhập môn ngành Nhật Bản học	2	2					
2	JAP311	Tiếng Nhật Nghe - Nói 2	2	2					JAP310
3	JAP308	Tiếng Nhật Đọc 1	2	2					JAP304
4	JAP309	Tiếng Nhật Đọc 2	2	2					JAP308
5	JAP310	Tiếng Nhật Nghe - Nói 1	2	2					JAP304
6	JAP318	Tiếng Nhật Tổng hợp 1	3	3					JAP304
7	JAP319	Tiếng Nhật Tổng hợp 2	3	3					JAP314
8	JAP317	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			JAP304
II.2. Các học phần chuyên ngành			50	48	0	2	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			46	44	0	2	0	0	
1	JAP418	Biên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	2	2					JAP442, JAP456,
2	JAP424	Địa lý dân cư và kinh tế Nhật Bản	2	2					
3	JAP427	Lịch sử Nhật Bản	2	2					
4	JAP433	Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật	2	2					JAP442, JAP456,
5	JAP478	Thực tập cơ sở Nhật Bản học	2			2			JAP481
6	JAP439	Tiếng Nhật Nghe - Nói 3	2	2					JAP305
7	JAP440	Tiếng Nhật Nghe - Nói 4	2	2					JAP439
8	JAP441	Tiếng Nhật Nghe - Nói 5	2	2					JAP440
9	JAP442	Tiếng Nhật Nghe - Nói 6	2	2					JAP441
10	JAP443	Tiếng Nhật Nghe - Nói 7	2	2					JAP442
11	JAP453	Tiếng Nhật Đọc 3	2	2					JAP309
12	JAP454	Tiếng Nhật Đọc 4	2	2					JAP453
13	JAP455	Tiếng Nhật Đọc 5	2	2					JAP454
14	JAP456	Tiếng Nhật Đọc 6	2	2					JAP455
15	JAP457	Tiếng Nhật Đọc 7	2	2					JAP456
16	JAP467	Tiếng Nhật Tổng hợp 3	2	2					JAP315
17	JAP468	Tiếng Nhật Tổng hợp 4	2	2					JAP467
18	JAP472	Tiếng Nhật Viết 1	2	2					JAP468
19	JAP473	Tiếng Nhật Viết 2	2	2					JAP472
20	JAP474	Tiếng Nhật Viết 3	2	2					JAP473

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
21	JAP481	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	2					JAP441, JAP455,
22	JAP482	Văn hóa Nhật Bản	2	2					
23	JAP483	Văn học Nhật Bản	2	2					
II.2b. Phần tự chọn			4	4	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 2 trong 11 học phần)</i>	4						
1	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
2	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
3	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
4	JAP432	Nhật Bản hiện đại	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
5	JAP438	Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
6	JAP444	Tiếng Nhật bất động sản	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
7	JAP447	Tiếng Nhật du lịch	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
8	JAP465	Tiếng Nhật nhà hàng - khách sạn	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
9	JAP471	Tiếng Nhật văn phòng	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
10	JAP475	Tiếng Nhật xuất nhập khẩu	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
11	JAP476	Tiếng Nhật y tế - điều dưỡng	2	2					JAP442, JAP456, JAP473
		Các HP thay thế KLTN:	12						
1	JAP419	Biên dịch Nhật Việt – Việt Nhật nâng cao	3	3					JAP418
2	JAP434	Phiên dịch Nhật Việt – Việt Nhật nâng cao	3	3					JAP433
3	JAP480	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật	3	3					JAP442, JAP456, JAP473

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
4	JAP469	Tiếng Nhật tổng hợp nâng cao	3	3					JAP443, JAP457, JAP474
II.3. Học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	JAP589	Thực tập tốt nghiệp	5			5			JAP478
2	JAP590	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	JAP587
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

TRƯỞNG KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hổ